TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Kiều Vũ

2. Ông Nguyễn Sơn Thạch

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Hà Chí Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên toà số: 10/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984, số căn cước: 015184001035, cấp ngày 10-9-2024, nơi cấp Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai.

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn L, sinh năm 1982, số căn cước: 036082022611, cấp ngày 08-3-2023, nơi cấp Cục QLHC về TTXH. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào

Cai) ngày 27/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L không chung thuỷ, có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, thậm chí có lần đánh chị phải nhập viện (năm 2024) dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Mai Văn L.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn L có 02 con chung là Mai Tấn D, sinh ngày 22-12-2008 và Mai Đại Q, sinh ngày 15-8-2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đại Q; giao cháu Mai Tấn D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm lao động tự do có thu nhập ổn định bình quân khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo các điều kiện để nuôi con.

Anh L1 là lái xe (lái xe của gia đình) chở vật liệu xây dựng đi làm xa nhà khoảng 30 km nên không có thời gian chăm sóc, đưa đón con (cháu Q) đi học được. Mọi việc chăm sóc, đưa đón con đều do chị đảm nhận. Ngoài ra những lúc chị bận việc thì có em trai chị ở gần nhà giúp đưa đón con. Còn cháu D đã lớn, tự đi học được không cần đưa đón.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Mai Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị B đã trình bày tại đơn khởi kiện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung. Vợ chồng và hai bên gia đình đã tác động hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị B xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung là Mai Tấn D, sinh ngày 22-12-2008 và cháu Mai Đại Q, sinh ngày 15-8-2016. Ly hôn, anh cho rằng cháu D đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Mai Đại Q cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải.

Theo đơn nguyện vọng của con Mai Tấn D, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Mai Đại Q có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B để xử cho chị B được ly hôn với anh Mai Văn L. Về con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Nguyễn Thị B. Giao con chung là Mai Đại Q, sinh ngày 15-8-2016 cho chị Nguyễn Thị B; giao con Mai Tấn D, sinh ngày 22-12-2008 cho anh Mai Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Mai Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Mai Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt chị B, anh L là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Mai Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) ngày 27/11/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Mai Văn L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Mai Văn L.

[3] Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là Mai Tấn D, sinh ngày 22-12-2008 và Mai Đại Q, sinh ngày 15-8-2016. Ly hôn, cả chị B và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đại Q đến khi trưởng thành. Cháu Mai Tấn D chị B đề nghị giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh L cho rằng cháu D đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Xét đề nghị của chị B và anh L về nuôi con thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh L đều khai là anh L hiện nay đang làm lái xe, còn chị B là lao động tự do có thu nhập, về chỗ ở thì anh chị có nhà đất riêng. Cả chị B và anh L đều có điều kiện như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu Mai Tấn D hiện nay chưa đủ 18 tuổi. Mặt khác, cháu Mai Tấn D có nguyện vọng được ở với bố, cháu Mai Đại Q có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của con cần giao cháu Mai Tấn D cho anh Mai Văn L; giao cháu Mai Đại Q cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Mai Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Mai Tấn D, sinh ngày 22-12-2008 cho anh Mai Văn L; giao con chung là Mai Đại Q, sinh ngày 15-8-2016 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng đã nộp tại biên lai số 0002344 ngày 22-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị B đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị B và anh Mai Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND KV2-LC;
- P. THADS KV2-LC;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lĩnh;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào